TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà T1rần Thị Trúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà T1rịnh Thị Diệu Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2025, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thy T1; sinh năm: 1997. Địa chỉ thường trú: 50/6 Đường số 5, phường H, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); tạm trú: 14/1/18A Đường số 3, phường L1, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L12, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Ông Trương Quốc T2; sinh năm: 1997. Địa chỉ thường trú: 50/6 Đường số 5, phường H, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/Nguyên đơn – bà Hồ Thy T1 trình bày như sau:

Bà và ông Trương Quốc T2 có thời gian tìm hiểu nhau mới tự nguyện tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/04/2022. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm

2023 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông T2 không có trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, vợ con, không chăm lo cho bà về vật chất lẫn tinh thần. Hai người đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay, mạnh ai nấy sống không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Do thời gian mâu thuẫn kéo dài nên hai người đã không còn tình cảm gì với nhau. Bà Hồ Thy T1 cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được và tình cảm giữa hai người không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống. Tòa án đã cố gắng hòa giải để hai bên trở về đoàn tụ gia đình, cùng chăm lo cho nhau. Tuy nhiên, bà vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Trương Quốc T2.

Về con chung: có 01 (một) con chung là: Trương Khải M, sinh ngày: 15/10/2022. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ M.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà không yêu cầu ông Trương Quốc T2 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà đang làm nhân viên kinh doanh tại Công T2y Y. Công việc là nhân viên bán hàng, mức lương 9.000.000 đồng/tháng. Từ khi ly thân đến nay, bà và con đang ở nhà mẹ ruột tại địa chỉ 14/1/18A Đường số 3, phường L1, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà có đủ điều kiện về chỗ ở và kinh tế để nuôi con. Hiện nay trẻ M còn nhỏ, sống và học tập ổn định với bà T1từ nhỏ đến nay nên bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ M.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/Bị đơn – ông Trương Quốc T2 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi cho Toà án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung: giao cho bà T1 được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung; Ghi nhận sự tự nguyện của bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: các đương sự cùng khai không có và yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn - bà Hồ Thy T1 có yêu cầu ly hôn với ông Trương Quốc T2 nên đây là tranh chấp ly hôn, ông T2 cư trú tại phường H, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

Tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn – bà Hồ Thy T1 có đơn xin vắng mặt, bị đơn – ông Trương Quốc T2 vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2022 ngày 21/4/2022 do Ủy ban nhân dân phường H, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bình Hưng Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về yêu cầu ly hôn: Bà T1 yêu cầu được ly hôn với ông T2 vì cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa hai người không có tiếng nói chung, ông T2 không quan tâm, không có trách nhiệm với bà T1 nên mâu thuẫn giữa hai người phát sinh. Hiện đã sống ly thân với nhau nên bà T1 yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Ông T2 đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà T1 và đã được triệu tập đến Toà để giải quyết vụ án nhưng ông T2 không đến Toà, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1. Có nghĩa là ông T2 đã tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh mâu thuẫn giữa bà T1 và ông T2 tại địa phương nơi hai người đang cư trú. Kết quả xác minh do Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì Uỷ ban không nhận được đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn, hoà giải tranh chấp nên không rõ mâu thuẫn giữa hai người. Tuy nhiên, qua lời khai của bà T1 cho thấy giữa hai người đã không còn tiếng nói chung, không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn đã làm cho hai người sống ly thân thời gian dài. Thời gian ly thân giữa hai người đã lâu nhưng không ai chủ động hàn gắn hạnh phúc. Bà T1 đã thừa nhận đã hết tình cảm với ông T2 và mong muốn chấm dứt hôn nhân.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân bền vững phải trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải thương yêu, thuỷ chung, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng và chăm lo hạnh phúc. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 đã không còn tiếng nói chung xảy ra nhiều năm nay nhưng việc thay đổi và hàn gắn cả hai không ai chủ động thực hiện. Thông qua ý kiến của bà T1 cho thấy, hôn nhân giữa hai người đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc đoàn tụ và hàn gắn tình cảm giữa hai người là khó

thực hiện. Do đó, việc giải quyết ly hôn là cần thiết, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T1.

[5] Về con chung: có 01 (một) con chung là Trương Khải M, sinh ngày: 15/10/2022. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ M. Bà T1 chứng minh mình có đủ điều kiện kinh tế và chỗ ở để nuôi con. Hiện nay bà T1 đang là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ M. Trẻ M được bà T1 chăm sóc và học hành đầy đủ, bà T1 có đủ sức khoẻ và có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ M. Ông T2 không có ý kiến phản hồi gì nên Hội đồng xét xử giao trẻ M cho bà T1 nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 khai không có và không yêu cầu giải quyết, ông T2 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Hồ Thy T1 phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T1 đã nộp theo biên lai thu số 0076606 ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà T1 đã nộp đủ tiền án phí.

Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết về việc hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thy T1 đối với ông Trương Quốc T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2022 ngày 21/4/2022 do Ủy ban nhân dân phường H, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 (một) con chung là Trương Khải M, sinh ngày: 15/10/2022. Giao trẻ M cho bà Hồ Thy T1 được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không T2rực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không T2rực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không T2rực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không T2rực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không T2rực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 khai không có và không yêu cầu giải quyết, ông T2 không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Hồ Thy T1 phải nộp, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T1 đã nộp theo biên lai thu số 0076606 ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà T1 đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 9 - TP.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- UBND P.H, Q.BT, TP.Hồ Chí Minh (nay là P.H, TP.Hồ Chí Minh);
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Lệ Hoa